

CHUYÊN ĐỀ

SỬ DỤNG KỸ THUẬT 5W1H DẠY HỌC NỘI DUNG LỊCH SỬ TRONG MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ LỚP 4,5 CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

A. Đặt vấn đề

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Việc dạy sử, học sử luôn là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo của mỗi quốc gia, cũng như trong xây dựng, bồi dưỡng nhân cách của mỗi cá nhân. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay khi mặt trái nền kinh tế thị trường cùng những tác động của lối sống thực dụng, ham hưởng thụ đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế hệ trẻ thì việc giáo dục lịch sử càng trở nên quan trọng bởi “Không ai bỏ được lịch sử dân tộc, không nước nào bỏ được lịch sử dân tộc”.

Hơn thế nữa, môn Lịch sử có những đặc trưng đặc biệt, gắn liền với đất nước, gắn liền với mọi người dân, đặc biệt là những người từng chiến đấu bảo vệ đất nước, là nền tảng của dân tộc. Môn học này có chức năng rất rõ ràng là giáo dục lòng yêu nước, mà nước ta lại rất đặc biệt, trong bối cảnh cần bảo vệ vững chắc chủ quyền biên đảo. Tuy vậy, trong một thời gian dài, môn Lịch sử bị xem là môn học phụ. Phụ huynh thường động viên và đầu tư cho con em mình học các “môn chính” là Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, một bộ phận giáo viên bớt thời gian học của “môn phụ” để thêm thời lượng dạy học, nâng cao chất lượng môn học “chính”, học sinh vì thế mà quan tâm nhiều hơn đến các môn “học chính”, thờ ơ hoặc bỏ qua “môn phụ” dẫn đến kết quả học tập của môn Lịch sử không cao.

Vậy làm thế nào để HS yêu thích học môn Lịch sử? Chất lượng dạy học môn Lịch sử ngày một đi lên? Làm thế nào để các em không học vẹt? Ghi nhớ máy móc các sự kiện, nhân vật, ... lịch sử? Đó là câu hỏi lớn cần sự chung tay của ngành giáo dục và toàn xã hội.

Trong Kế hoạch số 770/KH-BGDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) vừa ban hành, môn Lịch sử được chuyển thành môn học bắt buộc trong Chương trình GDPT. Bộ GD&ĐT đã triển khai xây dựng, lựa chọn, điều chỉnh, thẩm định chương trình Lịch sử - Địa lý cấp TH với thời lượng 70 tiết/năm học (lớp 4, lớp 5) để dạy bắt buộc cho tất cả học sinh. Quyết định này đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ cao từ các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục và dư luận. GS Phạm Tất Dong, Phó Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam phát biểu: “Chúng ta học lịch sử để hiểu về sự sinh tồn, phát triển văn hóa, văn minh của dân tộc, không chỉ hiểu về nước mình mà hiểu về cả các nước khác trên thế giới. Lịch sử cần giữ đúng vị thế là một môn học quan trọng trong chương trình giáo dục”. Bên cạnh đó, môn LS-ĐL là một trong những môn học có sự thay đổi lớn về chương trình và cách tiếp cận. Do đó, dạy học LS-ĐL càng mới mẻ với cả GV và HS.

Sau một thời gian nghiên cứu chương trình SGK và áp dụng thực tế giảng dạy, tôi thấy sử dụng sơ đồ tư duy, trong SĐTĐ có kỹ thuật 5W1H – hay còn gọi là Kỹ thuật tư duy 5W1H là một dạng sơ đồ tư duy đặc biệt rất phù hợp với đặc trưng dạy – học môn LS-ĐL. Vì vậy, tôi lựa chọn nội dung áp dụng kỹ thuật 5W1H trong dạy học chương trình GDPT 2018 môn Lịch sử - Địa lý lớp 5 để cùng nhau nghiên cứu, tháo gỡ khó khăn trong quá trình dạy và học môn này.

B. Giải quyết vấn đề

I. Nghiên cứu những điểm mới của môn LS-ĐL chương trình GDPT 2018:

Nội dung môn LS-ĐL tập trung lựa chọn “điểm”. Kiến thức LS được lựa chọn không nhất thiết tuân thủ tính lịch đại như chương trình cũ mà phản ánh những sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu cho một vùng miền, một số giai đoạn lịch sử. Đối với môn Địa lí, các vùng miền được lựa chọn không chỉ dựa trên nét tương đồng về tự nhiên mà còn dựa trên vai trò lịch sử của vùng đất đó; mỗi vùng chỉ lựa chọn giới thiệu một số đặc điểm địa lí tiêu biểu, đặc trưng. **Tích hợp ND giáo dục LS, ĐL và một số ND văn hoá, xã hội.**

Chương trình được thiết kế theo phạm vi mở rộng dần về không gian địa lí và không gian xã hội. **Sự kết nối không gian theo phạm vi mở rộng dần. Chọn lọc kiến thức cơ bản và sơ giản về tự nhiên, dân cư, hoạt động kinh tế, lịch sử, văn hoá của các vùng miền, đất nước Việt Nam và thế giới.** Các hoạt động trong sách tạo cơ hội để HS lấy ví dụ liên hệ thực tế trải nghiệm ở môn TN-XH lớp 1-2-3 và môn LS-ĐL lớp 4 vào môn LS-ĐL lớp 5.

Môn LS-ĐL góp phần hình thành các phẩm chất tốt đẹp của con người trong thời đại mới (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm). **Các chủ đề, bài học lựa chọn nội dung thiết thực đối với việc hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực chuyên môn LS-ĐL của HS (NL tìm hiểu tự nhiên và xã hội); NL quan sát, tìm tòi, khám phá môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; NL vận dụng các kiến thức LS-ĐL vào thực tiễn để các em học tập các môn khác cũng như học tập suốt đời.**

Môn LS-ĐL không dạy tách thành 2 phân môn riêng biệt như chương trình GDPT 2006 mà gộp thành một môn thống nhất. Các kiến thức LS-ĐL được tích hợp trong các chủ đề về địa phương, vùng miền, đất nước và thế giới. Bên cạnh đó, chương trình môn học cũng kết nối với kiến thức, kĩ năng của các môn học và HĐGD khác như TN-XH, Khoa học, Đạo đức, HĐTN, ... giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng nhiều môn học vào giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống phù hợp với lứa tuổi.

Thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để phù hợp với điều KT – XH của các địa phương, thực tiễn DH ở nhà trường.

II. Mạch nội dung và thời lượng môn LS-ĐL 5:

Phần nội dung chính: Phù hợp với 6 mạch nội dung Chương trình GDPT 2018: gồm 24 bài học và 2 bài ôn tập.

Nội dung		Lớp 4	Lớp 5
Địa phương và các vùng của Việt Nam	Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	3%	
	Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	6%	
	Trung du và miền núi Bắc Bộ	14%	
	Đồng bằng Bắc Bộ	20%	
	Duyên hải miền Trung	17%	
	Tây Nguyên	13%	
	Nam Bộ	17%	
Việt Nam	Đất nước và con người Việt Nam		16%
	Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam		10%
	Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam		34%
Thế giới	Các nước láng giềng		10%
	Tìm hiểu thế giới		14%
	Chung tay xây dựng thế giới		6%
Đánh giá định kì		10%	10%

*** ĐIỂM MỚI VỀ NỘI DUNG**

- Lịch sử:

- + Tinh giản một số nội dung Lịch sử Việt Nam;
- + Bổ sung: Vương quốc Phù Nam; Vương quốc Chăm-pa; Công cuộc Đổi mới; Văn hóa của các nước láng giềng; Văn minh Ai Cập và Hy Lạp.

- Địa lí

- + Tinh giản nội dung các ngành kinh tế của Việt Nam, hoạt động kinh tế và một số quốc gia của các châu lục.
- + Bổ sung: bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai; công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông trong lịch sử; tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; ASEAN.

* Bổ sung mạch nội dung: Chung tay xây dựng thế giới.

III. CẤU TRÚC BÀI HỌC

- Tên bài
- YCCĐ
- Khởi động
- Khám phá
- + Nhiệm vụ học tập
- + Câu chuyện lịch sử
- + Em có biết
- + Góc khám phá
- Luyện tập
- Vận dụng.

IV. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH

1. Thiết kế theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS

2. Chú trọng DH tích hợp và DH phân hoá

*** Tích hợp**

- + Tích hợp nhuần nhuyễn trong toàn bộ môn học
- + Tích hợp nhuần nhuyễn trong một bài học.
- + Lòng ghép nội dung giáo dục liên quan (bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường, bảo vệ thế giới hòa bình, giáo dục tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các dân tộc, chủng tộc,...)

Phân hoá

- + HS được lựa chọn nội dung và nhiệm vụ học tập theo năng lực và sở thích.
- + Nhiệm vụ học tập đa dạng, mở hướng đến các đối tượng HS, địa phương khác nhau.

3. Hỗ trợ GV đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức DH

- Bài học được cấu trúc với 4 hoạt động lớn theo gợi ý của CV 2345/BGDĐT-GDTH (6/2021): Khởi động; Khám phá; Luyện tập; Vận dụng.

- Nhiệm vụ học tập đa dạng, phong phú... với các phương pháp (trực quan, sơ đồ tư duy, GQ vấn đề, đóng vai,...) hình thức tổ chức DH (cá nhân, cặp đôi, nhóm, tự học, SD Internet,...) khác nhau.

5. Đổi mới về hình thức, cách thức trình bày

- Cấu trúc theo chủ đề với số tiết từ 2 đến 4 tiết
- Kênh hình, kênh chữ hài hoà, phong phú. (132 hình/121 tr ~ 1.1)

V. TÌM HIỂU CÁC DẠNG BÀI HỌC: 2 dạng:

1. Dạng bài hình thành kiến thức, kỹ năng mới

Bài được thiết kế rõ ràng 4 hoạt động:

I. Khởi động: GV tạo ra tình huống có vấn đề qua các hoạt động như: Kể chuyện; trò chơi; quan sát tranh ảnh hoặc xem video; đặt câu hỏi thăm dò,...

II. Khám phá:

- + Tổ chức hoạt động hướng đến mục tiêu
- + Tạo ra sản phẩm
- + Tương tác

III. Luyện tập

- + Trả lời tự luận/trắc nghiệm ngắn
- + Khái quát hóa kiến thức bằng sơ đồ,..
- + Trò chơi

IV. Vận dụng

- + Áp dụng kiến thức, kỹ năng đã học
- + Linh hoạt, sáng tạo

2. Dạng bài ôn tập: Dạng bài này thường được thiết kế 2 hoạt động chính:

I. Hệ thống, khái quát hoá: Làm việc với lược đồ trống, bài tập trắc nghiệm, lập sơ đồ hệ thống hóa, lập bảng tóm tắt hoặc so sánh,...

II. Thực hành: Đóng vai, xử lý tình huống, trò chơi, tranh biện, sơ đồ tư duy, mảnh ghép, phòng tranh,...

3. Tên các bài học sử dụng kỹ thuật 5W1H

Bài 5: Nước Văn Lang, Âu Lạc

Bài 6: Đất nước Phù Nam

Bài 7: Vương quốc Chăm-pa (Tiết 1)

Bài 8: Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc

Bài 10: Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên

VI. Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực:

Có rất nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực được đưa ra và áp dụng hiệu quả vào môn LS-ĐL cũng như các môn học khác trong chương trình GDPT 2018 như: thảo luận nhóm, Dự án, Bê cá, Tía chớp, 3-2-1, Kể chuyện, Sắm vai, Xích xe tăng, ... Tùy vào nội dung, YCCĐ của môn học, bài học mà GV lựa chọn PP, kĩ thuật dạy học phù hợp sao cho đạt được kết quả cao nhất. Trong một thời gian nghiên cứu và thử nghiệm, tôi thấy kĩ thuật 5W1H thực sự cho hiệu quả cao trong dạy và học môn LS-ĐL ở Tiểu học.

1. Khái niệm

5W1H là sáu từ dùng để hỏi trong tiếng Anh: What (Cái gì), Where (Ở đâu), When (Khi nào), Who (Ai), Why (Tại sao), How (Thế nào). Kỹ thuật này xuất phát từ bài thơ The Elephant's Child của nhà văn, nhà thơ người Anh Joseph Rudyard Kipling.

Bài thơ như sau:

I have six honest serving-men	Tạm	dịch	là:
They taught me all I knew	Tôi	có 6 người đầy tớ trai trung thực	
Their names are What and Where and When	Họ	đã dạy cho tôi biết mọi điều	
And How and Why and Who.	Tên họ	là What và Where và When	
	Và	How và Why và Who.	

Kỹ thuật này thường được dùng cho các trường hợp khi cần có thêm ý tưởng mới hoặc xem xét nhiều khía cạnh của vấn đề, chọn lựa ý tưởng để phát triển.

2. Cách thực hiện kĩ thuật 5W1H

Để trình bày một ý tưởng, tóm tắt một sự kiện, một cuốn sách hoặc bắt đầu nghiên cứu một vấn đề, hãy tự đặt cho mình những câu hỏi như: WHAT? (Cái gì?), WHERE (Ở đâu?), WHEN (Khi nào?), WHY (Tại sao?), HOW (Như thế nào?), WHO (Ai?).

Từ những câu hỏi cốt lõi trên, HS có thể đưa ra những câu hỏi phụ để tìm hiểu cụ thể hơn vấn đề đang tìm hiểu. Ví dụ:

Khi học về một sự kiện lịch sử, HS có thể đưa ra các câu hỏi như:

- What: Bài học này học về vấn đề gì? Sự kiện này có tên là gì? What else? – Còn vấn đề gì nữa trong bài? Sau sự kiện này là sự kiện gì khác xảy ra?
- Where? Sự kiện này diễn ra ở địa điểm nào?
- When? Sự kiện này xảy ra khi nào? (Hoàn cảnh trong và ngoài nước, ...)
- Why? Tại sao sự kiện này xảy ra? Tại sao lại thành công? Tại sao lại thất bại?
- Who? Sự kiện này gắn với vai trò của ai? Ai là người lãnh đạo? Do ai thực hiện? Lực lượng nào cùng tham gia? Chống lại ai? Ai được lợi từ sự kiện này?...
- How?
- + How many? Sự kiện đó diễn ra với bao nhiêu hoạt động?
- + How do you + V: Cách thức thực hiện hoạt động đó như thế nào?

- + How can + S + V: Sự kiện đó đạt đến mức độ nào?
- + How + adj + to be : Sự kiện đó có tính chất như thế nào?
- + How do you feel? Cảm nhận, suy nghĩ của bạn về sự kiện đó như thế nào? Bạn rút ra được bài học gì cho bản thân?

Như vậy, kỹ thuật 5W1H vừa giúp HS có được sự tích cực trong suy nghĩ để tìm ra được bản chất của vấn đề, mặt khác, có thể giúp HS có được một dạng công thức học tập để phát huy khả năng tự học, tự tư duy.

*** Các bước dạy học trên lớp với sơ đồ 5W1H:**

Bước 1: HS lập sơ đồ 5W1H theo gợi ý của GV.

Bước 2: Cá nhân hoặc đại diện nhóm báo cáo thuyết minh về sơ đồ đã lập.

Bước 3: HS thảo luận, bổ sung để hoàn thành sơ đồ 5W1H về nội dung kiến thức của bài học đó. GV là trọng tài, người cố vấn, giúp HS hoàn thiện sơ đồ, từ đó dẫn dắt đến kiến thức của bài học.

Bước 4: củng cố kiến thức bằng 1 sơ đồ 5W1H mà GV đã chuẩn bị sẵn hoặc cả lớp đã tham gia chỉnh sửa hoàn chỉnh, cho HS lên trình bày thuyết minh về kiến thức đó.

Muốn làm được điều đó, ngay từ khi nhận lớp, GV cần giúp HS làm quen với sơ đồ 5W1H, mỗi ngày HS có thêm được kỹ năng vẽ sơ đồ, tổng hợp kiến thức và khả năng thuyết trình nội dung được thể hiện trên sơ đồ. Trong những bài học đầu tiên, GV sẽ là người làm mẫu, HS làm theo GV.

3. Ưu, nhược điểm

***Ưu điểm:**

- Nhanh chóng, không mất thời gian, mang tính logic cao.
- Có thể áp dụng cho nhiều tình huống khác nhau, nhiều môn học khác nhau.
- Kỹ thuật này rất phù hợp với hình thức kiểm tra trắc nghiệm nhanh. Câu hỏi trắc nghiệm không nằm ngoài 6 câu hỏi của kỹ thuật 5W1H:

Câu hỏi ở mức độ nhận biết gắn với các câu hỏi: What? When? Where? Who?

Câu hỏi ở mức độ thông hiểu thường tương ứng với câu hỏi Why?

Câu hỏi ở mức độ vận dụng thấp và vận dụng cao gắn với câu hỏi How?

- Kỹ thuật này thể hiện tính phân hóa cao đối với mức độ nhận thức của HS:

Mức độ 1 – phù hợp với HS có khả năng nhận thức từ yếu đến TB. GV khuyến khích HS tìm câu trả lời cho những vấn đề đi từ đơn giản nhất.

Mức độ 2 – câu hỏi Why? Thường phức tạp hơn, có thể dành cho HS khá. Hoặc GV có thể chia tách vấn đề để HS có thể tìm được câu trả lời. GV có thể kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực khác khi sử dụng câu hỏi này như thảo luận nhóm, trao quyền đặt câu hỏi – trả lời – đánh giá nhận xét cho HS để làm phong phú hơn câu trả lời cho HS.

Và mức độ 3 với câu hỏi How? là câu hỏi phong phú nhất, có cả các mức độ dễ và khó. Câu hỏi tìm ra bản chất, tính chất vấn đề là khó nhất. Muốn làm được điều đó, GV cần hướng dẫn HS trau dồi kỹ năng phân tích, đối chiếu, so sánh để tìm ra đáp án.

Với những thắc mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện, GV yêu cầu HS cả lớp cùng suy nghĩ, mời nhiều HS đưa ra câu trả lời. GV và HS cùng thống nhất, rút ra kết luận cuối cùng.

- Kỹ thuật 5W1H phù hợp với nhiều dạng bài: bài mới, ôn tập củng cố. Phù hợp với nhiều bước trong tiến trình bài học: Từ chuẩn bị bài mới của HS khi ở nhà, dạy học bài mới, ôn tập trên lớp hay hoạt động Củng cố kiến thức.

**Nhược điểm:*

- Ít có sự phối hợp của các thành viên.
- Dễ dẫn đến tình trạng “9 người 10 ý”.
- Dễ tạo cảm giác “bị điều tra”.

4. Một số lưu ý khi sử dụng kỹ thuật 5W1H:

- Với những bài có từ 2 nội dung trở lên, GV nên chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nội dung. Gợi ý câu hỏi đi vào trọng tâm nội dung tìm hiểu, tránh lan man.
- Động viên, khuyến khích HS đặt câu hỏi và nêu câu trả lời, dù đó là câu hỏi ngô nghê. Cho HS thể hiện sự tích cực, tự tin tham gia đánh giá câu trả lời của mình, của bạn, đặt câu hỏi tham vấn, bổ sung, góp ý cho câu trả lời vừa đưa ra.
- Sử dụng kết hợp với những kỹ thuật, phương pháp dạy học khác như: thảo luận nhóm, kỹ thuật trả lời 1 phút, kỹ thuật 3-2-1 (hoặc Kỹ thuật 3 lần 3), dự án,...

Ví dụ 1: Khi dạy bài: Nước Văn Lang, Âu Lạc (Giới thiệu về một số quốc gia)

GV có thể sử dụng kỹ thuật 5W1H. Tùy mục đích khai thác nội dung khác nhau, GV có thể sử dụng kỹ thuật này ở các thời điểm khác nhau:

Cách 1: Yêu cầu HS hoạt động nhóm, vẽ sơ đồ 5W1H và trả lời các câu hỏi:

- Nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào? (When?)
- Kinh đô của nước Văn Lang được đặt ở đâu? (Where?)
- Sự ra đời của nước Văn Lang được phản ánh trong truyền thuyết nào? (What?)
- Những di vật nào thể hiện sự tồn tại của nước Văn Lang? (What?)
- Nước Âu Lạc ra đời trước hay sau nhà nước Văn Lang?
- Ai là người lập ra nước Âu Lạc? (Who?)
- Kể tên những ngành nghề chính của người dân Âu Lạc? (What?)
- Em còn biết truyền thuyết nào khác gắn liền với nhà nước Văn Lang, Âu Lạc? (What else?)
- Em có suy nghĩ gì về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc? (How?)

Cách 2: Sau khi dạy xong bài, GV chuẩn bị sơ đồ có những câu hỏi trên, giúp HS củng cố kiến thức vừa học.

Cách 3: Giao bài về nhà cho HS bằng cách yêu cầu HS vẽ sơ đồ 5W1H về nội dung bài học trên và GV sẽ kiểm tra vào hoạt động KTBC trong tiết học sau.

Ví dụ 2: Khi dạy bài: Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc: (Dạng bài về các cuộc đấu tranh)

Các bài học về các cuộc đấu tranh rất phù hợp với kỹ thuật 5W1H, hầu như bài nào cũng có thể áp dụng và tương đối hiệu quả:

Khi dạy về dạng bài này, GV cần hướng HS trả lời các câu hỏi:

- Tại sao những cuộc khởi nghĩa lại nổ ra? (Why?)
- Ai là người lãnh đạo? (Who?)
- Cuộc khởi nghĩa diễn ra như thế nào? (How?)
- Kết quả như thế nào? (What?)

- Em có suy nghĩ gì về tinh thần của tướng lĩnh ...? Nhân dân...? Cách đánh giặc của? (How?)

GV hướng dẫn HS đặt và trả lời câu hỏi, vẽ sơ đồ để tóm lược nội dung cốt lõi của bài trong từng khâu lên lớp phù hợp với mục đích mà GV đặt ra. Từ đó, các em có một công thức học tập chung và có khả năng ghi nhớ chính xác, nhớ lâu hơn về các cuộc đấu tranh.

Ý kiến của HS cần được tôn trọng. HS lắng nghe phần thuyết minh của bạn / nhóm bạn, nêu ý kiến bổ sung để cùng nhau hoàn thiện sơ đồ.

GV sử dụng sơ đồ đã chuẩn bị để tóm lược, chốt hay mở rộng kiến thức cho HS.

Ví dụ 3: Dạy một số dạng bài khác:

Khi dạy HS tìm hiểu về một số nước láng giềng, GV có thể yêu cầu HS chuẩn bị bài mới qua hoạt động vẽ sơ đồ 5W1H để tìm hiểu, thể hiện những điều HS đã biết về các nước như:

- Em biết gì về đất nước Trung Hoa? (What?)
- Nước Trung Hoa nằm ở đâu? (Where?)
- Kể tên một số công trình nổi tiếng ở Trung Quốc? (What?)
- Công trình đó được xây dựng vào khoảng thời gian nào? (When?)
- Tại sao nhà nước Trung Quốc lại cho xây dựng Vạn Lý Trường Thành? (Why?)

Công trình này có ý nghĩa như thế nào với sự nghiệp đấu tranh bảo vệ tổ quốc của nhân dân Trung Hoa? (How?)

- Em biết nhân vật nổi tiếng nào có ảnh hưởng tới văn hóa Trung Quốc?/ lịch sử đấu tranh của nhân dân Trung Quốc? (Who?)

- Nêu suy nghĩ của em về kiến trúc sư Nguyễn An? (How?)

VII. Kết thúc vấn đề:

1. Kết luận:

Chương trình môn LS-ĐL cấp Tiểu học chương trình GDPT 2018 có nhiều thay đổi so với chương trình 2006. Để thực hiện thành công việc dạy học môn học này, đòi hỏi GV cần có cái nhìn mới về cách tiếp cận nội dung chương trình, cách thiết kế các hoạt động dạy học, mạnh dạn đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá HS.

Ngoài kĩ thuật 5W1H tôi vừa giới thiệu, GV có thể tìm hiểu và sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật tích cực khác trong dạy học như: kĩ thuật tia chớp, bẻ cá, mảnh ghép, khăn trải bàn, động não, XYZ, chia sẻ nhóm đôi, trình bày một phút, đóng vai, STEM, viết tích cực, đọc tích cực, chia nhóm, ổ bi, xích xe tăng, KWL (KWLH), ... GV có thể sử dụng kết hợp giữa phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống, các hình thức tổ chức lớp học linh hoạt sao cho đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả đối với đối tượng học sinh trong lớp và YCCĐ của bài.

Làm được điều đó, chất lượng dạy và học môn LS-ĐL sẽ được nâng cao.

2. Đề xuất, khuyến nghị:

2.1. Đối với cấp trên:

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, chuyên đề đổi mới giảng dạy môn LS-ĐL.

2.2. Đối với nhà trường:

- Trang bị thêm cho GV tài liệu tham khảo môn LS-ĐL.
 - Tổ chức các hội thi liên quan đến kiến thức môn LS-ĐL, các buổi tham quan dã ngoại, trải nghiệm thực tế để CBGV và HS có thêm nhiều kiến thức bổ ích về lịch sử, địa lí, con người Việt Nam.
 - 2.3. Đối với GV:
 - Mạnh dạn, tích cực tự học, tự sáng tạo, đổi mới PPDH để nâng cao kiến thức và cách truyền đạt cho HS.
 - Tìm hiểu nhiều kho tài liệu phục vụ công tác dạy học, tìm hiểu các phần mềm khai thác, tạo dựng video đơn giản phục vụ công tác dạy học.
 - Tổ chức tốt các tiết học trải nghiệm; Hướng dẫn HS cách thức, thói quen ghi chép về địa danh, nhân vật, sự kiện lịch sử tiêu biểu. Rèn thói quen học tập tích cực, sử dụng các phương pháp học tập sáng tạo như sử dụng các sơ đồ tư duy, sơ đồ 5W1H để hệ thống kiến thức bài.
- Trong giảng dạy phải biết kết hợp các PPDH, kĩ thuật hợp lí sao cho phát huy tính tích cực, sáng tạo, tạo hứng thú cho HS.

Trên đây là một số ý kiến của chúng tôi về việc sử dụng kĩ thuật dạy học tích cực nói chung và kĩ thuật 5W1H nói riêng vào dạy học LS-ĐL lớp 5 trong chương trình GDPT 2018. Chuyên đề là ý kiến riêng của chúng tôi nên khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự đóng góp của các đồng chí để chuyên đề được hoàn thiện và có thể áp dụng rộng rãi hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

BÀI 5: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Trong bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần...), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Giao tiếp và hợp tác:* Tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập; giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.
- *Tự chủ và tự học:* Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.

Năng lực riêng:

- *Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:* Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.
- *Tìm hiểu lịch sử và địa lí:* Tìm, tra cứu hoặc sưu tầm thông tin cơ bản về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng học:* Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

3. Phẩm chất

- *Yêu nước:* Tự hào và biết ơn tổ tiên đã áo công dựng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.
- *Trách nhiệm:* Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa, truyền thống của tổ tiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, bài trình chiếu powerpoint.
- Tranh ảnh nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
- SGK Lịch sử và Địa lí 5 – bộ sách Cánh diều.
- Bảng con, giấy A4, bút viết,...

2. Đối với học sinh

- SHS Lịch sử và Địa lí 5 bộ sách Cánh diều.
- Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG</p> <p>a. Mục tiêu: Thông qua Hoạt động, HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài. - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới. <p>b. Cách tiến hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt câu hỏi: <i>Năm 1954, trong lần về thăm Đền Hùng, Bác Hồ đã căn dặn cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe dẫn dắt và quan sát hình ảnh.



Bác Hồ nói chuyện với Đại đoàn Quân Tiên Phong tại Phú Thọ

- + *Câu nói trên của Bác Hồ có ý nghĩa như thế nào?*
- + *Hãy chia sẻ hiểu biết của em về Nhà nước này.*
- GV mời 1 – 2 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu cho HS:
- + *Câu nói trên của Bác Hồ mang ý nghĩa: nhắc nhở đồng thời muốn thể hiện lòng biết ơn đối với các vua Hùng đã có công dựng nên Nhà nước Văn Lang.*
- + *Một số hiểu biết về Nhà nước Văn Lang:*
- *Là nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.*
- *Cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Ba Vì (Hà Nội) đến Việt Trì (Phú Thọ).*
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Từ xa xưa, các vua Hùng đã dựng nước mở ra một thời kì mới cho dân tộc. Một trong những nhà nước đầu tiên của dân tộc ta là nhà nước Văn Lang – Âu Lạc. Để tìm hiểu sâu hơn, chúng ta sẽ cùng nhau đến với bài: **Bài 5: Nước Văn Lang, Âu Lạc.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

b. Cách tiến hành

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm làm chung một nhiệm vụ).

- GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:

+ *Nhóm 1 + 2: Đọc thông tin về sự ra đời của nước Văn Lang trong SHS tr.25 và quan sát hình ảnh để tìm hiểu*

- HS lắng nghe câu hỏi.

- HS trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.

- HS chia thành các nhóm và lắng nghe nhiệm vụ.

truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên và trình bày sự ra đời của nhà nước Văn Lang và hoàn thành Phiếu học tập 1.



Hình 1. Muôi đồng (văn hoá Đông Sơn)



Hình 2. Rìu đồng (văn hoá Đông Sơn)



Hình 3. Mô thuyền Việt Khê (trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)

+ **Nhóm 3 + 4:** Đọc thông tin về sự ra đời của nước Âu Lạc trong SHS tr.26 và quan sát hình ảnh để trình bày sự ra đời của nước Âu Lạc và hoàn thành Phiếu học tập số 1.



Hình 4. Lưỡi cày đồng Cổ Loa

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC

Nhóm: ...

	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời		
Người đứng đầu		
Địa bàn		
Kinh đô		
Căn cứ		

- GV mở rộng kiến thức, khai thác kênh hình cho HS:

+ Hình 1: Muôi bằng đồng thuộc Văn hóa Đông Sơn cách ngày nay 2000 – 2500 năm. Muôi bằng đồng, có kích thước dài 18,5 cm, có hai phần: phần múc và phần cán.

- HS quan sát Phiếu học tập số 1.

- HS quan sát hình ảnh và lắng nghe, tiếp thu.

- HS trình bày Phiếu học tập số 1.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

+ Hình 2: Rìu đồng là công cụ lao động, có hình lưỡi hài, gót vuông, trang trí hoa văn phong phú như: hình người, hình động vật.

+ Hình 3: Mộ thuyền Việt Khê được tìm thấy ở xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) bên trong chứa hơn 100 hiện vật gồm nhiều công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt, vũ khí chiến đấu... của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

+ Hình 4: Lưỡi cày đồng Cổ Loa là một trong công cụ lao động của cư dân Văn Lang – Âu Lạc khá phát triển.

- GV mời đại diện 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC		
<i>Nhóm:</i>		
	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	Ra đời cách ngày nay khoảng 2700 năm	Khoảng năm 208 TCN
Người đứng đầu	Vua Hùng	Thục Phán
Địa bàn	Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.	
Kinh đô	Phong Châu (Phú Thọ ngày nay)	Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay)
Căn cứ	Truyền thuyết Con Ròng Chấu Tiên và các di vật khảo cổ (công cụ lao động, vũ khí...).	Dấu tích tường thành và hiện vật khảo cổ (lưỡi cày đồng, rìu đồng, lấy nỏ, mũi tên đồng...)

- GV trình chiếu cho HS nhiều hình ảnh liên quan đến sự ra đời nước Văn Lang, Âu Lạc:

- HS quan sát hình ảnh.

- HS quan sát video

- HS lắng nghe, tiếp thu.



Trống đồng Đông Sơn



Thạp đồng Đào Thịnh



Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa

- GV cho HS xem video:

+ Tổ chức nhà nước Văn Lang:

https://www.youtube.com/watch?v=RwegzXi6_7Q

+ An Dương Vương lập nước Âu Lạc

https://www.youtube.com/watch?v=_YxCQtcSbLY&t=4s

- GV cung cấp thêm tư liệu cho HS về quá trình hình thành nhà nước Văn Lang – Âu Lạc: *Vua Hùng đến nhiều vùng dọc sông Thao, sông Đà chọn đất đóng đô cho nước Văn Lang nhưng chưa tìm được nơi phù hợp. Một hôm. Vua tới một vùng đất trước mặt có ba con sông tụ hội, hai bên là núi Tản Viên – Tam Đảo châu về, đồi núi gần xa. Giữa những quả đồi xanh tốt ấy có ngọn núi lớn hình voi mẹ nằm giữa đàn con. Phóng tầm mắt nhìn ra bốn phía thấy ba bãi rộng bồi đắp phù sa, bốn mặt cây xanh, hoa tươi cỏ ngọt, vua mừng rỡ, khen thế đất vững bền, thực là đất hợp muôn dân. Vua quyết định đặt đô ở đó, gọi tên là thành Phong Châu.*

(Theo Nguyễn Khắc Xương, Truyền thuyết Hùng Vương, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2012)

Hoạt động 2: Tìm hiểu đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thủy Tinh, Sự tích nỏ thần...) mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.

b. Cách tiến hành

- HS chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ và lắng nghe nhiệm vụ.

- GV chia HS trong lớp thành những nhóm nhỏ (3 – 6 HS/nhóm) và giao nhiệm vụ:

+ **Nhóm lẻ:** *Quan sát Hình 5, 6 SHS tr.27 và đọc thông tin và mô tả đời sống kinh tế của nước Văn Lang, Âu Lạc và cho biết câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh điều gì.*



Hình 5. Vò gốm tìm thấy trong di chỉ Đình Tràng (Hà Nội)



Hình 6. Thạp đồng Vạn Thắng (Phủ Thọ)



Sơn Tinh, Thủy Tinh

Hùng Vương có người con gái xinh đẹp tên là Mị Nương. Khi Mị Nương đến tuổi trưởng thành, Hùng Vương muốn kén một chàng rể xứng đáng với nàng. Khi ấy, có hai chàng trai đến cầu hôn Mị Nương, một người xưng là Thủy Tinh, một người xưng là Sơn Tinh. Cả hai người đều tài giỏi, Hùng Vương không biết gả Mị Nương cho ai, bèn hẹn đến ngày hôm sau, ai đem lễ vật đến trước thì gả cho người ấy. Hôm sau, Sơn Tinh mang lễ vật đến trước, được Hùng Vương gả con gái cho. Thủy Tinh đến sau, không lấy được Mị Nương nên nổi giận đem quân đuổi theo, nhưng Sơn Tinh đã dời về núi Tản Viên, Thủy Tinh không làm gì được. Từ đó, hàng năm, Thủy Tinh đều dâng nước lên đánh. Sơn Tinh đã cùng nhân dân trị thủy, nước dâng đến đâu, đất cao lên đến đấy.

(Theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.134 – 135)

+ **Nhóm chẵn:** *Đọc thông tin SHS tr.28 và mô tả cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc và cho biết câu chuyện Thánh Gióng và sự tích nỏ thần thể hiện điều gì.*

- HS quan sát hình ảnh.

- HS trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe, tiếp thu.



Thành Giông

Đời Hùng Vương thứ 6, ở hương Phù Đổng, bộ Vũ Ninh (nay thuộc Gia Lâm, Hà Nội) có người đàn bà sinh được một con trai, đặt tên là Giông. Đến hơn ba tuổi mà cậu bé vẫn không biết nói, cười. Ngày ấy, giặc Ân xâm lược nước Văn Lang, vua sai sứ giả đi tìm người tài để đánh giặc. Khi nghe tiếng loa, Giông bỗng nhiên nói: "Mẹ hãy gọi sứ giả vào đây cho con". Khi sứ giả đến, Giông liền nói: "Ông hãy về nói với nhà vua rên cho ta một con ngựa, thanh gươm, áo giáp, nón bằng sắt, ta sẽ đánh đuổi được giặc". Sứ giả lập tức về tâu với Hùng Vương. Vua mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn ngựa, gươm, áo giáp, nón sắt và mang đến cho Giông. Khi quân lính của nhà vua đến, Giông vươn vai một cái thành người cao to sừng sững và mặc áo giáp, đội nón, tay cầm gươm cưỡi lên lưng ngựa phi như bay đến chỗ giặc. Lưỡi gươm của Giông vung lên loang loáng như chớp, ngựa hét ra lửa, chẳng mấy chốc đã đánh tan được quân giặc. Đột nhiên, gươm sắt bị gãy, Giông nhổ những bụi tre hai bên đường quật tạt vào giặc, chẳng mấy chốc giặc tan. Sau khi đánh thắng giặc Ân, Giông tiến đến núi Sóc Sơn (nay thuộc huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội), cởi áo giáp và nón rồi cùng ngựa bay thẳng lên trời.

(Theo Nguyễn Đăng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Quyển 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.972 - 974)



Sự tích nỏ thần

Thần Kim Quy đã giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa. Trước khi thần Kim Quy ra về, An Dương Vương đến cảm tạ và nói: "Nếu một mai có giặc đến vây đánh thì lấy gì mà chống?". Thần Kim Quy đã rút một cái vuốt của mình trao cho nhà vua và nói: "Đem vật này làm lẫy nỏ thì không còn lo giặc nữa".

Nỏ thần có thể bắn một phát ra nhiều mũi tên, rất lợi hại. Triệu Đà mấy lần đem quân sang xâm lược nước Âu Lạc nhưng đều thất bại vì Âu Lạc có nỏ thần. Triệu Đà đã cho con trai là Trọng Thủy kết hôn với con gái của An Dương Vương là Mị Châu. Thế rồi, Trọng Thủy đã lấy cắp lẫy nỏ thần của An Dương Vương. Sau đó, Triệu Đà đem quân sang xâm lược Âu Lạc. Thành Cổ Loa bị mất, nước Âu Lạc bị Triệu Đà đô hộ.



Hình 7. Mũi tên đồng và lẫy nỏ tìm thấy tại Cổ Loa (Hà Nội)

(Theo Nguyễn Đăng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, Quyển 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.1351 - 1354)

- GV cho HS xem một số hình ảnh minh họa đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:



Rìu chiến Đông Sơn



Mũi tên đồng

- HS quan sát video.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe, tiếp thu.



Vòng tay bằng đồng

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)
- GV nhận xét, chốt kiến thức:
 - + *Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:*
 - *Nông nghiệp: biết trồng lúa nước và các loại rau, củ, biết chăn nuôi, đánh bắt cá. Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh sự nỗ lực trong chế ngự lũ lụt để phát triển sản xuất nông nghiệp của người Việt cổ.*
 - *Thủ công nghiệp: làm gốm, làm mộc, dệt vải, đúc đồng.*
 - + *Đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.*
 - *Người Việt đã tiến hành các cuộc kháng chiến chống giặc Ân để bảo vệ nước Văn Lang, kháng chiến chống quân Triệu để bảo vệ nước Âu Lạc.*
 - *Truyền thuyết Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần thể hiện tinh thần yêu nước cũng như quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của người Việt từ xa xưa.*
- GV trình chiếu cho HS xem video về *Đời sống Văn Lang – Âu Lạc:*

<https://www.youtube.com/watch?v=BYBILERk-TA>

- GV mở rộng kiến thức, cung cấp tư liệu: *Thừa xưa, người dân chưa biết cày cấy làm ra thóc gạo, chỉ sống bằng săn bắt thú rừng, thu lượm rễ cây, hoa quả và các loại rau dại, lúa hóa nhật được. Nhận thấy, vùng đất ven sông hằng năm được phù sa bồi thêm màu mỡ, Vua Hùng tổ chức cho dân đến đắp bờ giữ nước. Thấy lúa mọc hoang nhiều, vua mới bày cách cho dân gỡ hạt, gieo mạ. Khi mạ xanh thì đem cấy vào ruộng có nước. Từ đó, nghề nông được hình thành và đem lại cuộc sống no ấm cho người dân.*

(Theo Nguyễn Khắc Xương, Truyền thuyết Hùng Vương)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học về phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

b. Cách tiến hành

- HS trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

- HS trả lời câu hỏi.

- HS tham gia trò chơi.

Nhiệm vụ 1: Nêu những dẫn chứng khẳng định sự ra đời của nước Văn Lang – Âu Lạc.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.
- GV mời đại diện một 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác quan sát, nhận xét.

- GV nhận xét, đánh giá và công bố đáp án:

+ *Truyện thuyết Con Rồng Cháu Tiên, những hiện vật khảo cổ như muôi đồng, rìu đồng, mộ thuyền Việt Khê và các hiện vật khác tìm thấy ở lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả là bằng chứng phản ánh sự ra đời và tồn tại của nước Văn Lang.*

+ *Dấu tích thành Cổ Loa và các hiện vật khảo cổ như lưỡi cày đồng, rìu đồng, lẫy nỏ, mũi tên đồng là bằng chứng cho sự ra đời và tồn tại của nước Âu Lạc.*

Nhiệm vụ 2: Kể tên các hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện một 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác quan sát, nhận xét.

- GV nhận xét, đánh giá và công bố đáp án:

+ *Nông nghiệp: trồng lúa nước và các loại rau, củ, chăn nuôi, đánh bắt cá.*

+ *Thủ công nghiệp: làm gốm, làm mộc, dệt vải, đúc đồng..*

Nhiệm vụ 3: Truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần phản ánh về đời sống kinh tế và cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước qua những chi tiết nào?

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

- GV mời đại diện một 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác quan sát, nhận xét.

- GV nhận xét, đánh giá và công bố đáp án:

+ *Truyện thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh: Sơn Tinh đã cùng nhân dân trị thủy, nước dâng đến đâu, đất cao lên đến đấy.*

+ *Truyện thuyết Thánh Gióng: nhà Ân sang xâm lược nước Văn Lang, Gióng mặc áo giáp, tay cầm guơm cưỡi lên lưng ngựa phi như bay đến chỗ quân địch, lưỡi guơm của Gióng vung lên loang loang như chớp, ngựa hét ra lửa, chẳng mấy chốc đã đánh tan được quân địch.*

+ *Truyện thuyết Sự tích nỏ thần: Triệu Đà mấy lần đem quân sang xâm lược nước Âu Lạc nhưng đều thất bại, An Dương Vương có nỏ thần có thể bắn một phát ra nhiều mũi tên, rất lợi hại...*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS lắng nghe, tiếp thu.

- HS lắng nghe, thực hiện.

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

b. Cách tiến hành

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm nhỏ (3 – 6HS/ nhóm) và thực hiện nhiệm vụ:

+ *Nhiệm vụ 1: Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang (sự ra đời, đời sống kinh tế, đấu tranh bảo vệ đất nước ..)*

+ *Nhiệm vụ 2: Đóng vai một hướng dẫn viên trong bảo tàng lịch sử, hãy giới thiệu về nước Âu Lạc (sự ra đời, đời sống kinh tế, đấu tranh bảo vệ đất nước...)*

- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả nhiệm vụ. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “**Đố vui**”.

- GV đọc từng câu hỏi và HS giơ tay để phát biểu. GV công bố đáp án sau khi HS trả lời.

Câu 1: Kinh đô nhà nước Văn Lang đặt tại:

A. Cổ Loa. B. Phong Châu. C. Hoa Lư. D. Tây Đô.

Câu 2: Sự ra đời của Văn Lang được phản ánh qua truyền thuyết nào?

A. Truyền thuyết Con Rồng Cháu Tiên.

B. Truyền thuyết Thánh Gióng

C. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh

D. Truyền thuyết Sự tích nỏ thần.

Câu 3: Mộ thuyền Việt Khê được phát hiện ở đâu?

A. Phong Châu (Phú Thọ)

B. Tây Đô (Thanh Hóa)

C. Thủy Nguyên (Hải Phòng).

D. Mê Linh (Vĩnh Phúc).

Câu 4: Kinh đô của nước Âu Lạc là:

A. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)

B. Luy Lâu (Thuận Thành – Bắc Ninh).

C. Bạch Hạc (Việt Trì – Phú Thọ)

D. lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả...

Câu 5: Đời sống của cư dân Văn Lang, Âu Lạc thể hiện qua:

A. Truyền thuyết Mai An Tiêm

B. Truyền thuyết Sự tích nỏ thần.

C. Truyền thuyết Thánh Gióng.

D. Truyền thuyết Thành Cổ Loa

- GV công bố đáp án ngay sau khi HS nêu đáp án:

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
B	A	C	D	A

*** Hoạt động vận dụng**

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.
- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

*** Hoạt động nối tiếp**

- GV nhắc nhở HS:
 - + Đọc lại bài học *Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc*
 - + Có ý thức chăm chỉ, tìm tòi, học hỏi những phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.
 - + Đọc trước *Bài 6 – Vương quốc Phù Nam* (SHS tr.30).

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT